

Bản án số: 181/2026/HS-PT

Ngày 25 - 6 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành;

Ông Nguyễn Xuân Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 174/2026/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2026; do có kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Nhật T**, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 130/2026/HS-ST ngày 30-3-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai;

- Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Nhật T**, sinh năm 1997 tại tỉnh Vĩnh Long; Căn cước công dân số: 086097006887; nơi cư trú: **Ấp B, phường L, thành phố Đ**; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Thành Ly B** và bà **Nguyễn Phượng H** (đã chết); có vợ là **Nguyễn Thị Kim K** và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02-10-2025 cho đến nay; hiện nay, đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 1 - **Công an thành phố Đ**; có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, vụ án còn có bị hại và những người tham gia tố tụng khác, không có kháng cáo, không có kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nội dung chính:

Do không có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên **Nguyễn Nhật T** nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Từ ngày 22-11-2024 đến tháng 3/2025, **T** đã 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Lần 01: Lúc 14 giờ ngày 22-11-2024, **T** nảy sinh ý định chiếm đoạt xe ô tô của ông **Phạm Văn H1**, để mang cầm cố lấy tiền trả nợ. Thực hiện hành vi, **T** đến nhà ông **H1** ở khu tái định cư Ấ, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, thành phố Đ), giả vờ thuê xe ô tô biển số 60A-430.83 của **H1** từ ngày 22-11-2024 đến ngày 10-12-2024, với giá thuê là 700.000 đồng/ngày. Ông **H1** tưởng thật nên đã giao xe cùng chứng nhận đăng ký xe, kiểm định xe và căn cước công dân (phôtô) của mình cho **T** thuê. Sau khi nhận xe, đến khoảng 20 giờ cùng ngày, **T** đến khu vực chợ L thuê người đàn ông tên **Ú** (chưa rõ lai lịch) đóng giả là chủ sở hữu xe trên, **T** điều khiển xe chở ông **Ú** đến Cửa hàng cầm đồ “Phan Nguyễn ” ở xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai cũ (nay là xã A, thành phố Đ) do chị **Nguyễn Thị Hồng T1** làm chủ; **T** nói ông **Ú** là chủ sở hữu xe, **T** đưa căn cước công dân của ông **H1** cho chị **T1** xem; chị **T1** nhìn qua thấy ông **Ú** có nét mặt giống người trong hình căn cước công dân, nên đồng ý cầm xe trên với giá 120.000.000 đồng. **T** nói **T1** chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản số 28182666666 của Ngân hàng T5 mang tên **Phạm Văn T2** (vì **T** đang nợ tiền **T2**, nên chuyển vào tài khoản của **T2** để trả nợ) và đưa cho ông **Ú** 20.000.000 đồng tiền mặt. Xong cả hai đi về, **T** trả công cho ông **Ú** 1.000.000 đồng; số tiền còn lại **T** tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, thấy **T** không đóng tiền thuê xe, ông **H1** nhiều lần yêu cầu **T** trả xe nhưng **T** không thực hiện. Đến ngày 31-5-2025, ông **H1** làm đơn trình báo cơ quan Công an.

Lần 02: Ngày 04-01-2025, **T** nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của anh **Nguyễn Thanh T3**. **T** thuê xe mô tô biển số 59D3-047.94 của **Phạm Thị Hồng T4** giá 160.000 đồng/ngày. Sau đó, **T** điều khiển xe trên đến phòng trọ của anh **T3** ở ấp B, xã L; **T** giả vờ mượn xe mô tô biển số 62T1-160.42 của **T3**, để đi công tác, hẹn 02 ngày sau trả và để lại xe mô tô Trường thuê của **T4** làm tin, anh **T3** đồng ý. Sau khi chiếm đoạt xe, **T** điều khiển xe mô tô trên đến tiệm cầm đồ “Năm Thọ” tại ấp H, xã L (nay là xã L) do **Nguyễn Anh D** làm chủ, để cầm với giá 15.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết (đối với xe mô tô thuê của chị **T4**, **T** gọi điện thông báo cho chị **T4** biết xe đang gửi tại nhà anh **T3**; đồng thời, **T** nói với anh **T3** là xe đang gửi là của chị **T4** sẽ đến lấy xe về nên khi **T4** đến lấy xe

anh T3 đã trả lại cho T4 và không có ý kiến gì). Đến ngày 08-10-2025, anh T3 đến cơ quan Công an trình báo tố cáo hành vi của Nguyễn Nhật T.

Lần 03: Khoảng tháng 3/2025, T biết anh Nguyễn Oai P có nhu cầu đăng ký học lái xe ô tô hạng C, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của P. Tuy không quen biết ai dạy lái xe nhưng T vẫn nói dối với P là có quen biết thầy dạy lái xe ở thành phố B, để liên hệ giúp P, P đồng ý. T nói chi phí học thi bằng lái là 27.000.000 đồng và yêu cầu P đưa trước cho T 17.000.000 đồng, để làm thủ tục. Sau khi P đưa tiền, T sử dụng tiêu xài cá nhân hết mà không liên lạc với người nào dạy lái xe. Khoảng 03 tháng sau, P không thấy T liên lạc làm thủ tục học thi lái xe nên hỏi thì T yêu cầu P đưa thêm 10.000.000 đồng, để hoàn thành thủ tục. Tin tưởng là thật nên P tiếp tục đưa tiền cho T sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 16-10-2025, anh P làm đơn tố cáo hành vi của Nguyễn Nhật T đến Công an.

2. Kết luận định giá:

- Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 42/KL-HĐĐGTS ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: 01 xe ô tô biển số Toyota Vios E, màu bạc biển số 60A-430.83 (đã qua sử dụng) trị giá 175.000.000 đồng (bút lục số 27).

- Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 05/KL-HĐĐGTS ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã L kết luận: 01 xe mô tô biển số 62T1-160.42 (đã qua sử dụng) trị giá 14.340.000 đồng (bút lục số 34).

3. Vật chứng vụ án:

01 xe ô tô và 01 xe mô tô nêu trên đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu.

4. Trách nhiệm dân sự:

Chị Nguyễn Thị Hồng T1 yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 120.000.000 đồng.

5. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 130/2026/HS-ST ngày 30-3-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai, đã quyết định như sau:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Nhật T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Nhật T** 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 10 năm 2025.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

6. Kháng cáo:

Bị cáo **Nguyễn Nhật T** kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

7. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Nguyễn Nhật T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và hình phạt là phù hợp. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào đặc biệt mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Nguyễn Nhật T** thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu; cùng với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về kháng cáo:

2.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên. Áp dụng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

2.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cấp sơ thẩm: Bị cáo **Nguyễn Nhật T** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người bị hại có đơn “bãi nại”, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Tại cấp phúc thẩm:

+ Bị cáo cung cấp Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong cao điểm đấu tranh trấn áp tội phạm dịp tết Nguyên đán năm 2020 và 2021; Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào “Vì an ninh Tổ quốc” năm 2016 và 2021; Giấy khen đột xuất có thành tích xuất sắc trong điều tra khám phá nhanh vụ trộm cắp tài sản; Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống Covid-19; Giấy khen đã có thành tích trong công tác giữ gìn An ninh trật tự năm 2016 và 2022; Giấy khen đạt thành tích tốt trong phong trào thi đua yêu nước năm 2021; Giấy khen đã có thành tích xuất sắc phong trào toàn dân bảo vệ **A** ninh Tổ quốc; Giấy khen đã có thành tích trong công tác đoàn cơ sở nhiệm kỳ 2018-2023; Danh hiệu chiến sĩ tiên tiến năm 2022.

+ Gia đình bị cáo cung cấp tài liệu, thể hiện ngày 07/4/2026, bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường cho bị hại chị **Nguyễn Thị Hồng T1** số tiền 40.000.000 đồng, chị **T1** có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

2.3. Về hình phạt và biện pháp ngăn chặn:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nhiều lần xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện vụ án, xác định tội danh đúng và quyết định hình phạt phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có các tình tiết mới nêu trên; do đó, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Tiếp tục tạm giam bị cáo, để đảm bảo thi hành án.

[3] Nội dung khác:

Bản án sơ thẩm áp dụng cho bị cáo **Nguyễn Nhật T** tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, cho đến phiên tòa phúc thẩm, việc bồi thường của bị cáo là chưa đủ $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chiếm đoạt; do đó, việc áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là chưa đúng, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có các tình tiết mới, như đã nhận định nêu trên, Hội đồng xử chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt; do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Kiểm sát viên là không phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, 2 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Nhật T.**

Sửa một phần về hình phạt đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 130/2026/HS-ST ngày 30-3-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai.

1. Tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Nhật T** 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 10 năm 2025.

2. Biện pháp ngăn chặn:

Căn cứ khoản 3 Điều 347 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tiếp tục tạm giam bị cáo **Nguyễn Nhật T** theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử, để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Nhật T** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Các bị hại (địa chỉ theo hồ sơ);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nai;

- Trại Tạm giam số 1 - Công an thành phố Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân khu vực 2;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an thành phố Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đồng Nai (PC01);
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân và Công an phường Long Thành, thành phố Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Văn phòng ⁽²⁰⁾.

Nguyễn Thị Tuyết Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thành - Nguyễn Xuân Quang

Nguyễn Thị Tuyết Thanh

